

Bản án số: 216/2023/DS-PT
Ngày: 25/5/2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương
Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Mai – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 33/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 918/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1980; địa chỉ: số 296/2 ấp 2, xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre. *(có mặt)*

2. Bị đơn: Tổng công ty cổ phần M;

Địa chỉ: số 26 Đ, phường B, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Anh T.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Nguyễn Huy T; *(vắng mặt)*

- Bà Nguyễn Lê Nam P, sinh năm 1997; *(có mặt)*

Cùng địa chỉ: số 26 Đ, phường B, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Trần Nhật Q, sinh năm 1981; *(có mặt)*

Địa chỉ: số 109A Đ, phường T, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty M;

Địa chỉ: số 109A Đ, phường T, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Nhật Q, sinh năm 1981; *(có mặt)*

Địa chỉ: số 109A Đ, phường T, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

* **Người kháng cáo:** Ông Trịnh Văn T là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

** Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trịnh Văn T trình bày:*

Ngày 31/8/2020, ông T có mua bảo hiểm Tàu cá của M theo Đơn bảo hiểm số MHS 01916630, cụ thể như sau:

- Người được bảo hiểm là ông Trịnh Văn T.
- Thời hạn bảo hiểm: từ 31/8/2020 đến 30/8/2021.
- Phí bảo hiểm: 14.536.071 đồng.
- Đối tượng bảo hiểm: Tàu BT-91189-TS.
- Tổng số tiền bảo hiểm: 1.317.000.000 VNĐ.
- Điều kiện bảo hiểm: thân tàu cá theo điều kiện A - Bảo hiểm mọi rủi ro.

Ông T đã thực hiện việc đóng phí bảo hiểm đầy đủ cho M.

Ngày 30/01/2020, tàu cá BT-91189-TS xuất bến tại Trạm kiểm soát biên phòng L để ra khơi đánh bắt cá. Đến ngày 29/12/2020, do gió to sóng lớn nên tàu bị chìm tại vùng biển Vũng Tàu - Côn Đảo. Ông T có thuê người tìm kiếm nhưng không tìm ra vị T tàu chìm. Ngày 02/01/2021, ông T báo cho M Bến Tre về việc tàu gặp sự cố. M có yêu cầu Công ty Giám định Cửu Long giám định thiệt hại. Do tàu chìm không tìm được nên không giám định được thiệt hại.

Ngày 03/01/2021, ông T gửi giấy yêu cầu bồi thường số tiền 1.317.000.000 đồng cho Công ty M. Ngày 21/10/2021, Công ty M có văn bản từ chối bồi thường với lý do tàu cá BT-91189-TS bị mất tín hiệu giám sát hành trình tàu cá từ ngày 24/3/2020. Không đồng ý với văn bản 1913, ông T tiếp tục khiếu nại. Ngày 13/12/2021, Công ty M ra văn bản số 2347 giữ quan điểm từ chối bồi thường.

Do ông T đã đóng bảo hiểm đầy đủ, việc chìm tàu xảy ra trong thời hạn bảo hiểm và không thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm, khi ông T mua bảo hiểm thì M cũng không yêu cầu ông T cung cấp thông tin về thiết bị giám sát hành trình nên ông T yêu cầu M phải có trách nhiệm bồi thường cho ông số tiền bảo hiểm 1.317.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi số tiền trên từ ngày 18/01/2021 đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi suất 0.75%/tháng với số tiền 192.611.250 đồng. Tổng cộng: 1.509.611.250 đồng.

** Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Tổng công ty cổ phần M: ông Trần Nhật Q, bà Nguyễn Lê Nam P, ông Nguyễn Huy T trình bày:*

Ngày 31/8/2020, Công ty M đã cấp Đơn bảo hiểm tàu cá số MHS/01916630 cho Chủ tàu là ông Trịnh Văn T với một số nội dung chủ yếu như sau:

- + Đối tượng bảo hiểm: Tàu cá BT-91189.TS.
- + Người được bảo hiểm: Ông Trịnh Văn T (Địa chỉ: Đ, P, Bến Tre).
- + Điều kiện bảo hiểm: Điều kiện bảo hiểm A-Quy tắc bảo hiểm thân tàu cá, Ban hành kèm theo Quyết định số 1454/2020-BM/HH ngày 01/7/2020 (sau đây gọi là Quy tắc bảo hiểm thân tàu cá 2020).
- + Giá trị tàu/STBH: 2.634.000.000 VNĐ/1.317.000.000 VNĐ.
- + Thời hạn bảo hiểm: Từ ngày 31/8/2020 đến ngày 30/8/2021 (Bao gồm cả hai ngày này).

Ngày 30/01/2020, ông Trần Văn Đ - thuyền trưởng điều khiển tàu cá số BT-91189.TS (chiếc đực) cùng với tàu cá số BT-91199.TS (chiếc cái) ra khơi khai thác hải sản. Ngày 26/12/2020, khi đang khai thác thủy sản tại vùng biển Vũng Tàu - Côn Đảo như thường ngày thì gặp thời tiết không thuận lợi có gió, sóng lớn nên thuyền trưởng tàu quyết định điều động 02 tàu cá chạy về đất liền để tránh. Đến khoảng 16 giờ 00 phút ngày 29/12/2020, khi tàu cá số BT-91189.TS hành trình về đất liền đến tọa độ 08°54'N - 107 33'E thuộc vùng biển Vũng Tàu - Côn Đảo thì gặp sóng lớn đánh mạnh vào tàu cá làm bung các nắp hầm hàng nên nước từ bên ngoài tràn vào tàu rất nhiều rồi bị chìm hoàn toàn và không có tổn thất về người.

Ngày 03/01/2021, sau khi nhận được thông báo sự cố của khách hàng, M đã chỉ định Công ty cổ phần thẩm định - giám định Cửu Long (CVIC) giám định cho tàu BT-91189.TS để xác định nguyên nhân, mức độ tổn thất. Ngày 03/01/2021, chủ tàu đã có đơn khiếu nại bồi thường với số tiền là 1.317.000.000 đồng. Ngày 14/6/2021, CVIC đã có Báo cáo giám định số CT001/21/GĐ đối với tổn thất của tàu cá nêu trên. Ngày 21/10/2021, M có công văn số 1913/2021-BM/HHH từ chối bồi thường vì tổn thất thuộc điểm loại trừ theo điều khoản bảo hiểm thân tàu cá. Ngày 20/4/2022, Tòa án nhân dân thành phố T thông báo đã thụ lý đơn khởi kiện của ông Trịnh Văn T yêu cầu M bồi thường số tiền bảo hiểm.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, M có ý kiến như sau: do chủ tàu cá số BT-91189.TS đã không đóng phí dịch vụ nên thiết bị giám sát hành trình bị ngắt vào tháng 04/2020, đồng thời cũng không có chứng cứ nào chứng minh rằng thuyền trưởng đã sử dụng các thiết bị thông tin liên lạc khác báo cáo vị trí của tàu cá về trung tâm, giám sát tàu cá nên có cơ sở xác định rằng tàu cá BT-91189.TS đã khai thác thủy sản bất hợp pháp là vi phạm quy định pháp luật.

Căn cứ theo Điều 5.1.5, Điều kiện bảo hiểm A- Quy tắc bảo hiểm thân tàu cá 2020 đã được cấp cho tàu BT-91189.TS quy định về loại trừ bảo hiểm: “5.1 M không bồi thường những tổn thất xảy ra trong thời hạn bảo hiểm, kể cả những

tổn thất gây ra bởi những rủi ro được bảo hiểm trong những trường hợp dưới đây:

5.1.5 Tàu được bảo hiểm vi phạm lệnh cấm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc khai thác thủy sản bất hợp pháp”

Vì vậy, tổn thất của tàu cá số BT-91189.TS xác định như trên thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm theo Quy tắc bảo hiểm thân tàu cá 2020.

Từ những cơ sở và lập luận như đã phân tích ở trên, việc M xác định tổn thất của tàu BT-91189.TS ngày 29/12/2020 thuộc điều khoản loại trừ bảo hiểm và ra thông báo từ chối bồi thường là hoàn toàn phù hợp và có cơ sở với các chứng cứ, tài liệu và theo quy định pháp luật. Do đó, M đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhằm đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của M.

Do hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân thành phố T đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bến Tre, tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Văn T về việc yêu cầu bị đơn Tổng công ty cổ phần M bồi thường số tiền 1.509.611.250đ (Một tỷ năm trăm lẻ chín triệu sáu trăm mười một nghìn hai trăm năm mươi đồng) gồm: tiền bảo hiểm 1.317.000.000đ (Một tỷ ba trăm mười bảy triệu đồng) và tiền lãi 192.611.250đ (Một trăm chín mươi hai triệu sáu trăm mười một nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/10/2022, nguyên đơn ông Trịnh Văn T có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:*

Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Tổng công ty M phải có trách nhiệm bồi thường số tiền bảo hiểm 1.317.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi số tiền trên từ ngày 18/01/2021 đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi suất 0.75%/tháng với số tiền 192.611.250 đồng, tổng cộng 1.509.611.250 đồng.

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Lê Nam P, ông Trần Nhật Q trình bày:*

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ y bản án sơ thẩm.

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng tại

phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trịnh Văn T, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bến Tre theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Văn T về việc yêu cầu bị đơn Tổng Công ty Mbobi thường số tiền bảo hiểm là 1.317.000.000 đồng, chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi suất chậm trả của số tiền bảo hiểm với mức lãi suất là 0.75%/tháng tính từ ngày 29/6/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, xét kháng cáo của ông Trịnh Văn T và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất ông Trịnh Văn T có giao kết Hợp đồng bảo hiểm với Công ty M – Tổng công ty cổ phần M theo Đơn bảo hiểm số MHS/01916630, đối tượng bảo hiểm: Tàu cá BT-91189.TS, ông T đã nộp đầy đủ phí bảo hiểm theo thỏa thuận là 14.536.071 đồng cho Công ty M, thời hạn bảo hiểm từ ngày 31/8/2020 đến ngày 30/8/2021, số tiền bảo hiểm là 1.317.000.000 đồng. Tàu BT-91189-TS xảy ra tai nạn trong thời hạn bảo hiểm nên nguyên đơn ông Trịnh Văn T yêu cầu bị đơn Tổng công ty cổ phần M thanh toán số tiền bảo hiểm là 1.317.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi số tiền trên từ ngày 18/01/2021 đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi suất 0,75%/tháng, số tiền là 192.611.250 đồng. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng chủ tàu cá số BT-91189.TS đã không đóng phí dịch vụ nên thiết bị giám sát hành trình bị ngắt vào tháng 04/2020, đồng thời cũng không có chứng cứ nào chứng minh rằng thuyền trưởng đã sử dụng các thiết bị thông tin liên lạc khác báo cáo vị T của tàu cá về trung tâm giám sát tàu cá nên có cơ sở xác định rằng tàu cá BT-91189.TS đã khai thác thủy sản bất hợp pháp là vi phạm quy định pháp luật nên thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm được quy định tại Điều 5.1.5 Điều kiện bảo hiểm A - Quy tắc bảo hiểm thân tàu cá 2020 đã được cấp cho tàu BT-91189.TS.

[2] Xét thấy, theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 798/17 do Chi cục Thủy sản Bến Tre cấp cho ông Trịnh Văn T vào ngày 28/11/2017 thì tàu cá BT - 91189.TS có chiều dài 21,9m. Căn cứ quy định tại điểm e, khoản 2 Điều 44 Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08/9/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản thì tàu cá BT – 91189.TS thuộc trường hợp phải lắp đặt thiết bị giám sát tàu cá trước ngày 01/4/2020. Theo chứng thư Giám định số CT001/21/GĐ của Công ty cổ phần thẩm định – Giám định Cửu Long, chủ tàu cá số BT-91189.TS và số BT – 91199.TS đã không đóng phí nên thiết bị giám sát hành trình bị ngắt vào tháng 4/2020 (ngày ghi nhận cuối cùng ngày 24/4/2020), mặc dù đã được Công ty cung cấp dịch vụ là

Công ty TNHH Zunibal Việt Nam thông báo qua tin nhắn SMS cho chủ tàu cá. Như vậy, tàu cá BT-91189.TS của ông Trịnh Văn T đã được lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng thiết bị giám sát hành trình lại không vận hành mà vẫn tiếp tục thực hiện hoạt động đánh bắt cá đến khi gặp tai nạn vào ngày 29/12/2020 là vi phạm điểm i, khoản 1 Điều 60 Luật Thủy sản quy định về hành vi được coi là khai thác thủy sản bất hợp pháp bao gồm: “.... *Không trang bị hoặc trang bị không đầy đủ hoặc không vận hành thiết bị thông tin liên lạc và thiết bị giám sát hành trình theo quy định*”; đồng thời, thuyền trưởng cũng không sử dụng các thiết bị thông tin liên lạc khác, báo cáo vị T trí tàu cá về trung tâm giám sát tàu cá là không đúng quy định tại điểm g, khoản 3 Điều 44 Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08/9/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. Mặt khác, thời gian tàu BT-91189.TS xảy ra tai nạn không nằm trong khoảng thời gian Chi cục Thủy sản tỉnh Bến Tre chưa xử lý tình trạng thiết bị giám sát trên tàu bị mất tín hiệu là từ 12/11/2020 trở về trước, nên được coi là khai thác thủy sản bất hợp pháp theo quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 60 Luật Thủy sản, thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm theo quy định tại điểm 5.1.5 khoản 5.1 Điều 5 Điều khoản bảo hiểm thân tàu cá ban hành theo Quyết định số 1454/2020-BM/HH ngày 01/7/2020 của Tổng Giám đốc Tổng công ty cổ phần M.

[3] Căn cứ khoản 1 Điều 19 Luật Kinh doanh bảo hiểm trách nhiệm cung cấp thông tin liên quan đến tàu cá BT-91189.TS là thuộc về ông Trịnh Văn T. Mặt khác, theo Đơn bảo hiểm số MHS/01916630, tại mục 3 phần Lưu ý quan trọng đã ghi nhận: “*Người được bảo hiểm cam kết: bằng việc được cấp và sử dụng Đơn bảo hiểm này, người được bảo hiểm đồng ý và xác nhận đã được Mcung cấp quy tắc, điều khoản và giải thích đầy đủ các điều kiện, điều khoản bảo hiểm, phạm vi bảo hiểm, các trường hợp loại trừ bảo hiểm có liên quan*” nên việc ông T cho rằng khi giao kết hợp đồng bảo hiểm không được giải thích đầy đủ về các điều khoản loại trừ bảo hiểm, M cũng không yêu cầu ông cung cấp thông tin liên quan đến việc lắp đặt, duy trì hoạt động của thiết bị giám sát hành trình là không có cơ sở nên tổn thất của ông Trịnh Văn T được gây ra bởi những rủi ro được bảo hiểm nhưng thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm, do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không được chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trịnh Văn T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bến Tre.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trịnh Văn T phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trịnh Văn T.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bến Tre. Cụ thể:

Căn cứ các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 29 Luật Kinh doanh bảo hiểm;

Căn cứ điểm i, khoản 1 Điều 60 Luật Thủy sản;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm b, khoản 1 Điều 40; Điều 147; Điều 217; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ điểm g, khoản 3 Điều 44 Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08/9/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Văn T về việc yêu cầu bị đơn Tổng công ty cổ phần M bồi thường số tiền 1.509.611.250đ (Một tỷ năm trăm lẻ chín triệu sáu trăm mười một nghìn hai trăm năm mươi đồng) gồm: tiền bảo hiểm 1.317.000.000đ (Một tỷ ba trăm mười bảy triệu đồng) và tiền lãi 192.611.250đ (Một trăm chín mươi hai triệu sáu trăm mười một nghìn hai trăm năm mươi đồng).

2. Về án phí dân sự:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: ông Trịnh Văn T phải chịu là 57.288.300đ (Năm mươi bảy triệu hai trăm tám mươi tám nghìn ba trăm đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp là 25.755.000đ (Hai mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005312 ngày 18/4/2022 và số tiền 2.518.800đ (Hai triệu năm trăm mười tám nghìn tám trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005498 ngày 08/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Ông T còn phải nộp tiếp số tiền 29.014.500đ (Hai mươi chín triệu không trăm mười bốn nghìn năm trăm đồng).

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Trịnh Văn T phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào biên lai tạm ứng án phí số 0009858 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND thành phố T (1b);
- Chi cục THADS thành phố T (1b);
- Phòng KTNV và THA; VP (3b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu hồ sơ (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạt